

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về hực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ - BVHTTDL ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch về công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền;*

*Căn cứ Quyết định số 2114/QĐ - BVHTTDL ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được thay thế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Di sản văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Có Danh mục thủ tục hành chính; nội dung thủ tục hành chính được được chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, biểu mẫu điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đ/c Vân);
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Gia Long**

**PHẦN I.**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ CỦA NGÀNH VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)*

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| STT                      | Mã TTHC       | Tên Thủ tục hành chính                                                                                                              | Cơ quan thực hiện               |
|--------------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| I                        | TTHC CẤP TỈNH |                                                                                                                                     |                                 |
| Lĩnh vực: Di sản văn hóa |               |                                                                                                                                     |                                 |
| 1                        | 1.013801      | Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương) | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| Lĩnh vực: Báo chí        |               |                                                                                                                                     |                                 |
| 2                        | 1.013781      | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương                           | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 3                        | 1.013782      | Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương                                                          | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 4                        | 1.013783      | Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương      | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 5                        | 1.013784      | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương               | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 6                        | 1.013785      | Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương                                                            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

|                                                              |          |                                                                                                                                                                 |                                 |
|--------------------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 7                                                            | 1.013786 | Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương                                              | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 8                                                            | 1.013787 | Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương                                                     | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 9                                                            | 1.013788 | Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương                                                                                        | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 10                                                           | 1.013789 | Chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương                                                         | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 11                                                           | 1.013790 | Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu                                                                                                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| <b>Lĩnh vực: Xuất bản, in và phát hành</b>                   |          |                                                                                                                                                                 |                                 |
| 12                                                           | 1.013698 | Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài                                 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 13                                                           | 1.013699 | Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài                             | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 14                                                           | 1.013700 | Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài                             | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 15                                                           | 1.013701 | Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| <b>Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b> |          |                                                                                                                                                                 |                                 |
| 16                                                           | 2.002772 | Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội                                                                                                        | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

|           |                                                              |                                                                                                          |                                 |
|-----------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 17        | 2.002773                                                     | Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 18        | 2.002774                                                     | Cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội                                             | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| <b>II</b> | <b>TTHC CẤP XÃ</b>                                           |                                                                                                          |                                 |
|           | <b>Lĩnh vực: Văn hoá</b>                                     |                                                                                                          |                                 |
| 19        | 1.013791                                                     | Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã                                                             | Ủy ban nhân dân cấp xã          |
|           | <b>Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b> |                                                                                                          |                                 |
| 20        | 1.013792                                                     | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng              | Ủy ban nhân dân cấp xã          |
| 21        | 1.013793                                                     | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | Ủy ban nhân dân cấp xã          |
| 22        | 1.013794                                                     | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | Ủy ban nhân dân cấp xã          |
| 23        | 1.013795                                                     | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng          | Ủy ban nhân dân cấp xã          |

## **B. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế**

| <b>STT</b>                      | <b>Mã TTHC thay thế</b> | <b>Tên Thủ tục hành chính được thay thế</b>                                                                           | <b>Tên Thủ tục hành chính thay thế</b>                                                                                      | <b>Cơ quan thực hiện</b>        |
|---------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>TTHC CẤP TỈNH</b>            |                         |                                                                                                                       |                                                                                                                             |                                 |
| <b>Lĩnh vực: Di sản văn hoá</b> |                         |                                                                                                                       |                                                                                                                             |                                 |
| 1                               | 1.003838                | Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn | Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

|  |  |                                |                                    |  |
|--|--|--------------------------------|------------------------------------|--|
|  |  | hóa phi vật thể tại địa phương | văn hóa phi vật thể tại địa phương |  |
|--|--|--------------------------------|------------------------------------|--|

### C. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

| STT | Mã TTHC                                    | Tên Thủ tục hành chính                                          | Cơ quan thực hiện               |
|-----|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|     | <b>TTHC CẤP TỈNH</b>                       |                                                                 |                                 |
|     | <b>Lĩnh vực: Văn hoá</b>                   |                                                                 |                                 |
| 1   | 1.003676                                   | Đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)           | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 2   | 1.003654                                   | Thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)         | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|     | <b>Lĩnh vực: Du lịch</b>                   |                                                                 |                                 |
| 3   | 1.003490                                   | Công nhận khu du lịch cấp tỉnh                                  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
|     | <b>Lĩnh vực: Xuất bản, in và phát hành</b> |                                                                 |                                 |
| 4   | 1.003868                                   | Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh                | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 5   | 1.003114                                   | Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm     | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 6   | 1.008201                                   | Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |
| 7   | 1.003483                                   | Cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm          | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |

### D. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| STT | Mã TTHC | Tên TTHC | Văn bản QPPL quy định bãi bỏ TTHC |
|-----|---------|----------|-----------------------------------|
|-----|---------|----------|-----------------------------------|

|    |                    |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                |
|----|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | TTHC CẤP TỈNH      |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                |
|    | Lĩnh vực: Thư viện |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                |
| 1  | 1.008895           | Thủ tục thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập và thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam                           | - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br><br>- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. |
| 2  | 1.008896           | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam |                                                                                                                                |
| 3  | 1.008897           | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động đối với thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện ngoài công lập, thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam            |                                                                                                                                |
| II | TTHC CẤP HUYỆN     |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                |
|    | Lĩnh vực: Văn hoá  |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                |
| 4  | 1.000903           | Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện                                                                                                                                   | Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ                                                                       |
| 5  | 1.000831           | Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp huyện                                                                                                              |                                                                                                                                |
| 6  | 1.003645           | Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội cấp huyện                                                                                                                                                                  | - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;                                                                    |
| 7  | 1.003635           | Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp huyện                                                                                                                                                                | - Nghị định số 138/2025/NĐ-CP                                                                                                  |

|    |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                 |
|----|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                              |                                                                                                                                                                                                                                            | ngày 12/6/2025 của Chính phủ                                                                                                                                                    |
|    | <b>Lĩnh vực Thư viện</b>                                     |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                 |
| 8  | 1.008898                                                     | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng                             | <ul style="list-style-type: none"><li>- Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;</li><li>- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.</li></ul> |
| 9  | 1.008899                                                     | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng |                                                                                                                                                                                 |
| 10 | 1.008900                                                     | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng             |                                                                                                                                                                                 |
|    | <b>Lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</b> |                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                 |
| 11 | 2.001885                                                     | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                                | Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.                                                                                                                       |
| 12 | 2.001884                                                     | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                 |
| 13 | 2.001880                                                     | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                 |



|            |                           |                                                                                                 |                                                                                                                            |
|------------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14         | 2.001786                  | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng |                                                                                                                            |
| <b>III</b> | <b>TTHC CẤP XÃ</b>        |                                                                                                 |                                                                                                                            |
|            | <b>Lĩnh vực: Thư viện</b> |                                                                                                 |                                                                                                                            |
| 15         | 1.008901                  | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng                                 | - Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. |
| 16         | 1.008902                  | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện cộng đồng            |                                                                                                                            |
| 17         | 1.008903                  | Thủ tục thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng                                         |                                                                                                                            |